

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Học Kỳ 1 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Bóng chuyền 1 - 01**
CBGD **Trương Quang Minh**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
1	2120120003	Cao Thế Anh	22/02/2002	CCQ2012A	8.0	8.0	7.9	7.9	6.0	6.8	
2	2121120552	Đặng Thị Kim Anh	03/10/2003	CCQ2112P	9.0	9.0	8.0	8.3	5.0	6.3	
3	2121120477	Nguyễn Thị Lan Anh	01/07/2003	CCQ2112N	8.0	8.0	8.5	8.3	4.0	5.7	
4	2121120442	Nguyễn Thị Minh Ánh	26/11/2003	CCQ2112M	8.5	8.5	6.6	7.2	9.0	8.3	
5	2121170569	Trần Gia Bảo	08/01/2003	CCQ2117Q	8.5	7.0	8.0	7.9	8.0	8.0	
6	2121100266	Đoàn Thị Thanh Bình	11/02/2003	CCQ2110H	8.0	9.0	7.9	8.1	8.0	8.0	
7	2121120455	Nguyễn Ngọc Diễm	23/03/2003	CCQ2112M	7.0	8.0	7.9	7.8	5.0	6.1	
8	2121170626	Hoàng Tiễn Đạt	20/11/2003	CCQ2117R	7.0	7.0	8.0	7.7	4.0	5.5	
9	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B	5.0	7.0	8.0	7.3	0.0	2.9	Vắng thi
10	2121200117	Nguyễn Thị Thu Hiền	01/08/2003	CCQ2120D	9.5	9.0	8.6	8.8	4.0	5.9	
11	2121170227	Nguyễn Phi Hoàng	23/12/2003	CCQ2117G	8.0	8.5	7.9	8.0	7.0	7.4	
12	2121260011	Trần Thanh Hùng	18/05/2003	CCQ2126A	8.0	8.0	8.6	8.4	6.0	7.0	
13	2120120716	Phạm Lê Anh Khoa	30/06/2002	CCQ2012Q	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
14	2121120271	Nguyễn Ngọc Khôi	04/06/2002	CCQ2112H	10.0	10.0	8.6	9.1	7.0	7.8	
15	2121120466	Ngô Thị Vân Kiều	03/06/2003	CCQ2112N	8.5	8.5	7.9	8.1	7.0	7.4	
16	2121120439	Lê Thị Tiêu Lam	09/06/2003	CCQ2112M	7.0	8.0	7.9	7.8	4.0	5.5	
17	2121120423	Cao Thị Thùy Linh	03/01/1998	CCQ2112M	10.0	10.0	8.5	9.0	8.0	8.4	
18	2120120162	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/08/2002	CCQ2012C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Vắng >20%
19	2121170602	Phạm Công Luận	26/06/2003	CCQ2117R	8.0	9.0	8.0	8.2	8.0	8.1	
20	2121200045	Vương Tiểu Mẫn	03/10/2003	CCQ2120B	4.0	4.0	8.0	6.7	5.0	5.7	
21	2121200091	Lê Hồng Mơ	21/10/2003	CCQ2120C	9.5	9.0	8.0	8.4	4.0	5.8	
22	2121210094	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	30/04/2003	CCQ2121C	9.0	9.0	8.6	8.7	4.0	5.9	
23	2121120463	Phạm Thành Nam	02/06/2003	CCQ2112N	8.0	9.0	8.6	8.6	4.0	5.8	
24	2121120006	Đặng Thị Bích Ngân	08/03/2003	CCQ2112A	8.0	8.5	8.0	8.1	8.0	8.0	
25	2121200107	Lương Thị Kim Ngân	10/09/2003	CCQ2120D	9.0	9.0	8.6	8.7	10.0	9.5	
26	2121120486	Nguyễn Đặng Kim Ngân	02/11/2003	CCQ2112N	7.0	8.5	6.6	7.0	9.0	8.2	
27	2121120483	Phan Như Ngọc	11/02/2003	CCQ2112N	9.5	8.5	6.6	7.4	4.0	5.4	
28	2121120440	Võ Thị Hồng Ngọc	11/08/2003	CCQ2112M	7.5	8.0	7.9	7.9	4.0	5.5	
29	2121170601	Trương Ngọc Nhân	04/09/2002	CCQ2117R	9.0	9.0	6.6	7.4	9.0	8.4	
30	2121170618	Huỳnh Văn Nhật	01/05/2003	CCQ2117R	7.0	7.0	8.0	7.7	5.0	6.1	
31	2119100012	Bê Thị Dung Nhi	30/06/2001	CCQ1910A	9.0	9.0	7.9	8.3	9.0	8.7	
32	2121120490	Nguyễn Thị Hồng Nhung	27/10/2003	CCQ2112N	8.5	8.5	7.9	8.1	4.0	5.6	
33	2121120003	Nguyễn Hà Yến Như	04/03/2003	CCQ2112A	9.0	8.5	8.0	8.3	9.0	8.7	
34	2121170616	Phạm Ngọc Phát	11/02/2003	CCQ2117R	7.0	8.0	8.5	8.2	7.0	7.5	
35	2121170628	Phan Thanh Phong	29/10/2003	CCQ2117R	8.0	8.0	6.6	7.1	5.0	5.8	
36	2121170599	Bùi Vũ Thành Phước	28/08/2003	CCQ2117R	8.0	8.5	7.6	7.8	10.0	9.1	
37	2121200118	Đỗ Hồng Phụng	05/06/2003	CCQ2120D	8.0	8.5	8.6	8.5	5.0	6.4	
38	2121170630	Nguyễn Trung Quân	21/05/2003	CCQ2117R	6.0	6.0	6.6	6.4	6.0	6.2	
39	2120060066	Lê Phú Quý	10/10/2002	CCQ2006A	8.5	8.5	7.9	8.1	9.0	8.6	
40	2121170617	Mai Văn Quỳnh	10/08/2003	CCQ2117R	7.0	8.0	6.6	6.9	4.0	5.2	
41	2121120470	Nguyễn Trọng Sang	07/09/2003	CCQ2112N	5.0	7.0	7.9	7.3	4.0	5.3	
42	2121120433	Nguyễn Thị Tâm	24/07/2003	CCQ2112M	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
43	2120060050	Trần Văn Tâm	07/04/2002	CCQ2006B	7.0	8.0	7.9	7.8	4.0	5.5	
44	2121120489	Trương Thị Mỹ Tâm	13/12/2003	CCQ2112N	7.0	8.5	8.5	8.3	7.0	7.5	
45	2121120465	Phan Đình Lam Thanh	16/01/2003	CCQ2112N	7.0	8.0	6.6	6.9	9.0	8.2	
46	2118110153	Nguyễn Xuân Thành	20/12/2000	CCQ1811B	4.0	5.0	8.5	7.2	4.0	5.3	
47	2121120445	Danh Thị Thu Thảo	26/12/2003	CCQ2112M	8.0	9.0	8.5	8.5	4.0	5.8	
48	2121260079	Trần Lý Minh Thắng	03/11/2003	CCQ2126C	4.0	8.0	8.5	7.7	7.0	7.3	
49	2121200054	Hồ Thị Huyền Thi	01/01/2003	CCQ2120B	4.0	4.0	8.0	6.7	4.0	5.1	
50	2121170571	Trần Văn Thiệt	22/01/2003	CCQ2117Q	9.0	8.5	8.5	8.6	8.0	8.2	
51	2120110304	Nguyễn Công Thịnh	05/01/2002	CCQ2011I	5.0	7.0	9.0	8.0	10.0	9.2	
52	2121210105	Lê Hồ Minh Thor	21/11/2003	CCQ2121C	7.0	8.0	8.6	8.2	5.0	6.3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3	Đ.QT	Đ.THI	Đ.HP	Ghi chú
53	2121170568	Nguyễn Văn Thuận	20/04/2002	CCQ2117Q	4.0	5.0	8.5	7.2	5.0	5.9	
54	2121200122	Lê Thị Thanh Thúy	14/02/2003	CCQ2120D	8.5	9.5	9.6	9.4	10.0	9.8	
55	2121200023	Trương Ngọc Cẩm Tiên	29/07/2003	CCQ2120A	7.0	8.0	8.0	7.8	4.0	5.5	
56	2121120497	Lê Thị Kim Tiên	26/10/2003	CCQ2112O	8.0	9.0	9.5	9.2	10.0	9.7	
57	2120120722	Trương Duy Tính	09/07/2002	CCQ2012Q	6.0	7.0	7.9	7.4	5.0	6.0	
58	2121210071	Phan Thị Ngọc Trân	11/09/2003	CCQ2121C	8.0	8.0	8.6	8.4	10.0	9.4	
59	2121050075	Lê Đông Triều	27/12/2003	CCQ2105A	8.5	8.5	8.6	8.6	7.0	7.6	
60	2121120475	Trương Thị Ngọc Trinh	22/12/2003	CCQ2112N	9.0	9.0	6.6	7.4	10.0	9.0	
61	2121120558	Vũ Thị Trúc	26/06/2003	CCQ2112P	9.0	8.5	9.0	8.9	10.0	9.6	
62	2121170562	Nguyễn Công Tú	11/07/2003	CCQ2117Q	5.0	7.0	8.5	7.7	5.0	6.1	
63	2121120476	Phạm Phan Ngọc Tú	19/12/2003	CCQ2112N	8.5	8.5	6.6	7.2	4.0	5.3	
64	2121120469	Nguyễn Thị Kim Tuyền	03/12/2003	CCQ2112N	7.0	9.0	6.6	7.1	5.0	5.8	
65	2121260090	Hà Xuân Tường	28/05/2002	CCQ2126C	8.5	8.5	8.6	8.6	8.0	8.2	
66	2121120506	Nguyễn Thị Mỹ Vân	22/09/2003	CCQ2112O	8.0	8.0	8.5	8.3	4.0	5.7	
67	2121200123	Trần Thị Bích Vân	23/01/2003	CCQ2120D	8.0	9.0	8.6	8.6	7.0	7.6	
68	2121120478	Nguyễn Thị Tường Vi	04/05/2003	CCQ2112N	8.5	9.0	8.5	8.6	4.0	5.8	
69	2121120429	Trần Thị Hồng Vi	10/10/2003	CCQ2112M	9.0	9.0	9.5	9.3	10.0	9.7	
70	2121170608	Nguyễn Hoàng Vĩ	28/03/2003	CCQ2117R	7.0	8.0	6.6	6.9	9.0	8.2	
71	2120110311	Trần Lê Khánh Vĩ	07/12/2002	CCQ2011I	5.0	7.0	8.0	7.3	8.0	7.7	
72	2121170627	Lê Bảo Việt	26/11/2003	CCQ2117R	8.0	8.5	7.9	8.0	4.0	5.6	
73	2121120425	Dương Huỳnh Như Ý	20/02/2003	CCQ2112M	8.5	8.5	6.6	7.2	4.0	5.3	

TPHCM , ngày 29 tháng 10 năm 2022

$\text{Đ.QT} = ((\text{BP.1} + \text{BP.2})/2 + \text{BP.3} * 2)/3$
 $\text{Đ.HP} = \text{Đ.QT} * 0.4 + \text{Đ.THI} * 0.6$
 $\text{Đ.HP} \geq 5$ ĐẠT ; $\text{Đ.HP} < 4.9$ KHÔNG ĐẠT